TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN BIÊN** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 23-03-2023
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thanh Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phú Hải;

2. Bà Đặng Thị Lan Phương.

- Thư ký phiên tòa: bà Đoàn Thị Trúc Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa*:** bà Trần Thị Thu Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 209/2022/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Lê Thị C, sinh năm 1979; cư trú tại: Số nhà 39, tổ 14, ấp T, xã B, huyện B, tỉnh N; vắng mặt.

Bị đơn: anh Trần Văn N, sinh năm 1971; cư trú tại: Số nhà 39, tổ 14, ấp T, xã B, huyện B, tỉnh N; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16 tháng 9 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị C trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh Trần Văn N tự nguyện chung sống với nhau năm 1997, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B, tỉnh N. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N ghen tuông, không cho chị tiếp xúc gặp gỡ ai, nếu chị có đi đám tiệc hàng xóm, bạn bè thì anh N sẽ đánh đập, bạo hành, thậm chí dùng dao đe dọa giết chết chị; ngoài ra, khi vợ chồng mâu thuẫn thì anh N thường xuyên yêu cầu chị trả lại tiền mà anh N đã đưa cho chị để chi tiêu sinh hoạt trong gia đình. Hiện

nay, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, chị không thể tiếp tục chung sống cùng anh N nên đã chuyển ra ở trọ, sống ly thân với anh N từ tháng 6 năm 2022 cho đến nay. Do đó, chị yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: chị và anh N 04 con chung tên Trần Ngươn K, sinh ngày 22-4-1998; Trần Thị Yến N, sinh ngày 29-11-1999; Trần Thị Yến Q, sinh ngày 09-10-2000 và Trần Thị Đăng T, sinh ngày 05-10-2002. Hiện 04 con chung đều trên 18 tuổi, tự lao động nuôi sống được bản thân nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn N: đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa án nhiều lần để cung cấp lời khai; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh N đều vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

* *Nguyên đơn chị Lê Thị C:* có đơn xin vắng mặt.

* *Bị đơn anh Trần Văn N*: đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng (nguyên đơn chị Lê Thị C): trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Trần Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do tại phiên tòa.

- Về việc giải quyết vụ án: căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

+ Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị C đối với anh Trần Văn N. Chị C được ly hôn với anh N.

+ Về con chung: chị Lê Thị C và anh Trần Văn N có 04 người con chung tên Trần Ngươn K, sinh ngày 22-4-1998; Trần Thị Yến N, sinh ngày 29-11-1999; Trần Thị Yến Q, sinh ngày 09-10-2000 và Trần Thị Đăng T, sinh ngày 05-10-2002. Các cháu đều đã trên 18 tuổi, tự lao động nuôi sống được bản thân, chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: chị Lê Thị C không yêu cầu giải quyết.

+ Về án phí: chị Lê Thị C phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: chị Lê Thị C có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Trần Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị C, anh N.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị C, anh Trần Văn N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B, tỉnh N vào ngày 10-10-2005, giấy chứng nhận kết hôn số 69/2005. Căn cứ Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận định hôn nhân giữa chị C và anh N là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị C, thấy rằng: chị C trình bày nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị và anh N là do anh N ghen tuông, thậm chí đánh đập, bạo hành, dùng dao đe dọa giết chết chị nếu chị tiếp xúc gặp gỡ bạn bè. Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ thể hiện giữa do chị C có tụ tập bạn bè, anh N khuyên ngăn không được nên vợ chồng thường xuyên gây gổ cãi nhau và năm 2021 từng xảy ra xô xát đánh nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập anh N đến Tòa án để hòa giải với chị C nhưng anh N vắng mặt, không có thiện chí hòa giải, hàn gắn tình cảm với chị C. Xét thấy, hôn nhân hạnh phúc là vợ, chồng phải tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau, phải có sự lắng nghe, chia sẻ, cảm thông cho nhau; tuy nhiên chị C và anh N sống ly thân với nhau từ tháng 6 năm 2022 cho đến nay, vợ, chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh N ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị C đối với anh Trần Văn N.

2.2. Về nuôi con chung: chị C và anh N có 04 người con chung tên Trần Ngươn K, sinh ngày 22-4-1998; Trần Thị Yến N, sinh ngày 29-11-1999; Trần Thị Yến Q, sinh ngày 09-10-2000 và Trần Thị Đăng T, sinh ngày 05-10-2002. Các cháu đều đã trên 18 tuổi, tự lao động nuôi sống được bản thân, chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên cần ghi nhận.

[4] Về án phí: chị Lê Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị C đối với anh Trần Văn N.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị C được ly hôn với anh Trần Văn N.

1.2. Về nuôi con chung: chị Lê Thị C và anh Trần Văn N có 04 người con chung tên Trần Ngươn K, sinh ngày 22 tháng 4 năm 1998; Trần Thị Yến N, sinh ngày 29 tháng 11 năm 1999; Trần Thị Yến Q, sinh ngày 09 tháng10 năm 2000 và Trần Thị Đăng T, sinh ngày 05 tháng 10 năm 2002. Các cháu đều đã trên 18 tuổi, tự lao động nuôi sống được bản thân, chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: chị Lê Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Lê Thị C phải chịu án dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0004113 ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; chị C đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyền kháng cáo: chị Lê Thị C, anh Trần Văn N vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV.THA.TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- UBND xã Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Thúy